

BÀI 4: KHÁM PHÁ VỀ ĐẸP VĂN CHƯƠNG

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

- Hiểu được khái niệm cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.
- Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.
- Biết cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

2. Về năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, ...
- Năng lực biết dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp; tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.
- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

3. Về phẩm chất

- Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập
- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo hứng thú, thu hút và khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS.

b) Nội dung: GV cho HS quan sát hai đoạn văn và chỉ ra điểm khác nhau trong cách trình bày lời nói của Vũ Nương.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

- GV trình chiếu hai đoạn văn sau và yêu cầu HS chỉ ra sự khác nhau trong cách trình bày lời nói của Vũ Nương ở hai đoạn văn:

a) *Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hồn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn: – Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa*

nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.

b) Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hồn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng và dặn Phan nói hộ với chàng Trương rằng nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ thì xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, nàng sẽ trở về.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chỉ ra được sự khác nhau trong cách trình bày lời nói của Vũ Nương:

a) Đặt sau dấu hai chấm và dấu dùng gạch ngang đầu dòng.

→ Lời thoại của nhân vật.

b) Đặt sau từ “*rằng*”, không có dấu gạch ngang đầu dòng và diễn đạt lại nội dung nhưng vẫn đảm bảo ý (lược bỏ từ ngữ, thay đổi từ dùng để xưng hô).

→ Dẫn lại lời nhân vật

- Từ chia sẻ của HS, GV nhận xét và dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Tri thức Ngữ văn	
Mục tiêu: Giúp HS nắm vững tri thức về cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp	
Nội dung: GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc lại phần “<i>cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp</i>” trong mục “<i>Tri thức ngữ văn</i>” (SGK/88).</p> <p>- GV yêu cầu HS chỉ ra sự khác nhau trong cách trình bày ở hai đoạn văn sau. Từ đó xác định đó là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp.</p> <p>a. Hoài Thanh nói rõ quan niệm của ông về phê bình: “<i>Điều tôi ngại nhất là mang tên nhà phê bình. Hai chữ phê bình sao nghe nó khó chịu quá</i>”.</p> <p>(Đỗ Đức Hiểu, 14 tháng Bảy 1989 và “<i>Thi nhân Việt Nam</i>”)</p> <p>→ Người viết sử dụng các dẫn trực tiếp, đánh dấu phần dẫn bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.</p>	<p>I. NHẬN BIẾT CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP</p> <p>- Cách dẫn trực tiếp là sử dụng nguyên văn từ ngữ, câu, đoạn, ... của một văn bản gốc vào bài viết, bài nói. Trong bài viết, phần dẫn trực tiếp cần được đặt trong dấu ngoặc kép.</p> <p>- Cách dẫn gián tiếp là sử dụng ý tưởng của người khác và diễn đạt lại theo cách của mình. Trong cách dẫn gián tiếp, tuy có thể diễn đạt lại, nhưng người dẫn vẫn cần thể hiện một cách trung thành ý tưởng trong văn bản gốc. Trong bài viết, phần dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép</p>

<p>b. M. Go-rơ-ki đã kể chuyện ông đọc nhiều như thế nào trước khi thành nhà văn lớn. Muốn học giỏi văn phải bắt đầu bằng đọc văn.</p> <p>➔ Bộ phận in đậm là phần dẫn gián tiếp lời kể của nhà văn M. Go-rơ-ki, phần dẫn này không được đặt trong dấu ngoặc kép.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS dựa vào phần “<i>Tri thức Ngữ văn</i>” (SGK/88) và PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV gọi đại diện HS trả lời</p> <p>- HS đại diện trả lời câu hỏi. Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét câu trả lời của HS.</p>	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc ngữ liệu (SGK/95) và chuyển từ cách dẫn trực tiếp trong ngữ liệu trên sang cách dẫn gián tiếp. Từ đó, hãy chỉ ra cách chuyển đổi từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp.</p> <p>a. Hoài Thanh nói rõ quan niệm của ông về phê bình: “<i>Điều tôi ngại nhất là mang tên nhà phê bình. Hai chữ phê bình sao nghe nó khó chịu quá</i>”.</p> <p>(Đỗ Đức Hiểu, 14 tháng Bảy 1989 và “<i>Thi nhân Việt Nam</i>”)</p> <p>➔ Trong “<i>Thi nhân Việt Nam</i>”, Hoài Thanh bày tỏ sự ngại ngùng, khó chịu khi được gọi là nhà phê bình.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS dựa vào phần “<i>Tri thức Ngữ văn</i>” (SGK/88) và PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p>	<p>II. CHUYỂN ĐỔI TỪ CÁCH DẪN TRỰC TIẾP SANG CÁCH DẪN GIÁN TIẾP</p> <p>- Khi chuyển từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp cần:</p> <p>+ Lược bỏ dấu ngoặc kép, dấu hai chấm đánh dấu phần dẫn trực tiếp.</p> <p>+ Diễn đạt lại nội dung phần dẫn trực tiếp sao cho thích hợp, đảm bảo trung thành với ý được dẫn trong văn bản gốc.</p> <p>- Lưu ý:</p> <p>+ Trong văn bản, có một số phần dẫn ý nghĩ bên trong của nhân vật, tuy được đặt trong ngoặc kép nhưng không phải cách dẫn trực tiếp.</p> <p>➔ Ví dụ: Họ mặc áo lông cáo. “<i>Mẹ Hắc Hỏa nói đúng</i>”, Sói Lam nghĩ.</p> <p>(Đa-ni-en Pen-nắc, “<i>Mất sói</i>”).</p> <p>+ Phân biệt cách dẫn trực tiếp với lời thoại của nhân vật. Lời thoại của các nhân vật trong truyện thường được đặt</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi đại diện HS trả lời - HS đại diện trả lời câu hỏi. Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần). <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét câu trả lời của HS rồi rút ra những điều cần lưu ý khi chuyển từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp. - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. 	<p>sau dấu hai chấm, được viết tách thành dòng riêng và có dấu gạch đầu dòng ở đầu lời thoại.</p>
---	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

THỰC HÀNH	
<p>Mục tiêu: Giúp HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS củng cố kỹ năng xác định phần dẫn, cách trích dẫn và dấu hiệu nhận biết cách dẫn trong văn bản. - Thực hành chuyển từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp. - Sử dụng tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập. <p>Nội dung:</p>	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện bài tập 1, 2 (SGK/ 94 - 95) - HS tiếp nhận nhiệm vụ <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi. - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. 	<p>III. LUYỆN TẬP</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>a. Phần dẫn: “<i>Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu [...], chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi</i>”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách dẫn: trực tiếp. - Dấu hiệu: Phần dẫn được đặt sau dấu hai chấm và trong dấu ngoặc kép. <p>b. Phần dẫn: <i>người La Mã xưa kia nuôi ong trong những cái tổ bằng đồng hình chiếc vại, có đục thủng nhiều hàng lỗ con vòng quanh miệng, quanh đáy</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cách dẫn: gián tiếp. + Dấu hiệu: có lời chỉ dẫn “<i>theo như lời thầy giáo của tôi bảo</i>”, phần dẫn không được đặt trong dấu ngoặc kép <p>Bài tập 2:</p> <p>a. Nỗi oan của Vũ Nương sẽ còn đeo đẳng mãi lấy nàng, nếu như không có</p>

	<p>một đêm tình cờ đưa bé nói cha của nó lại đến rồi.</p> <p>b. Thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton đã khẳng định rằng, đối với đồng bào của ông, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào ông.</p> <p>c. Trong <i>Thi nhân Việt Nam</i>, Hoài Thanh đã bộc lộ thành thực tâm trạng của ông, đó là dầu có ưa thơ người này người khác, mỗi lúc buồn đến, ông lại trở về với Lưu Trọng Lư. Có những bài thơ cứ vương vấn trong trí ông hàng tháng, lúc nào cũng văng vẳng bên tai. Bởi vì đối với ông, thơ của Lưu Trọng Lư nhiều bài không phải là thơ, nghĩa là những công trình nghệ thuật, mà chính là tiếng lòng thổn thức cùng hoà theo tiếng thổn thức trong lòng mỗi người.</p>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện bài tập 3 (SGK/ 95) + Độ dài: 5 – 7 câu + Nội dung: tài năng của Nguyễn Dữ trong việc dung hoà được yếu tố hiện thực với ước mơ, tồn tại với ảo ảnh. + Trích dẫn ý kiến theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp - HS tiếp nhận nhiệm vụ <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc, làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập theo yêu cầu. - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. 	<p>Bài tập 3:</p>

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống về hiệu quả của cách dùng lời dẫn trực tiếp và gián tiếp trong văn bản.

c) Sản phẩm: Câu trả lời, đoạn văn nói và viết của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm để sưu tầm một số lỗi về cách dẫn trực tiếp hoặc cách dẫn gián tiếp.

* Gợi ý:

+ Không để lời dẫn trực tiếp trong dấu ngoặc kép.

+ Không thay đổi từ ngữ xưng hô khi chuyển sang lời dẫn gián tiếp, ...

+ ...

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi và viết đoạn văn

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

BÀI 4: KHÁM PHÁ VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÁCH THAM KHẢO, TRÍCH DẪN TÀI LIỆU

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức

- Biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

2. Về năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, ...
- Năng lực biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.
- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

3. Về phẩm chất

- Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập
- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: Định hướng cho HS nội dung bài học; tạo hứng thú, thu hút và khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS.

b) Nội dung: GV cho HS quan sát video và nêu được tầm quan trọng của việc tôn trọng sở hữu trí tuệ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS xem đoạn video “[Khoa Học Song Ngữ] Mặc xấu của việc đạo văn - đạo nhạc?” và tóm tắt nội dung video:

<https://www.youtube.com/watch?v=i856m7TxN6s>.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ
- Từ chia sẻ của HS, GV nhận xét và dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Tri thức Ngữ văn	
Mục tiêu: Giúp HS biết cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.	
Nội dung: GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại nội dung “ <i>Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn</i> ”	I. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÁCH THAM KHẢO, TRÍCH DẪN TÀI LIỆU

tài liệu” trong “*tri thức ngữ văn*” (SGK/88) và “*Một số lưu ý về cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu*” trong (SGK/100 – 101). Sau đó thảo luận và thống nhất nội dung nhiệm vụ 1 trong PHT số 5 để chuẩn bị trả lời.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

1. Đọc mục *Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu* trong *tri thức ngữ văn* (SGK, trang 88) và *Một số lưu ý về cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu* trong SGK, trang 100 – 101 và trả lời câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi	Câu trả lời
Vì sao khi viết, ta cần tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau?	
Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn theo những cách nào?	
Khi trích dẫn tài liệu, cần lưu ý điều gì?	

2. Vận dụng cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu để viết một đoạn văn nghị luận từ 5 – 7 câu về ý kiến sau:

Cái mệnh của con người Việt Nam ta là sự cần cù, sáng tạo. (Chuẩn bị hành trang, Vũ Khoan)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào phần “*Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu*” trong “*tri thức ngữ văn*” (SGK/88) và “*Một số lưu ý về cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu*” trong (SGK/100 – 101) và PHT số 5 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện HS trả lời
- HS đại diện trả lời câu hỏi. Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- Khi viết, cần tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau để tiếp cận vấn đề một cách toàn diện và sâu sắc.

- Có thể dẫn tài liệu tham khảo theo hai cách: trực tiếp và gián tiếp.

- Khi dẫn tài liệu tham khảo cần lưu ý:

+ Ghi chú nguồn đúng quy cách: thông tin về tác giả của ý kiến và xuất xứ văn bản gốc.

+ Truyền tải trung thực nội dung ý tưởng và thông tin được trích dẫn

3. Hoạt động 3: Luyện tập

THỰC HÀNH	
<p>Mục tiêu: Giúp HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS củng cố kỹ năng xác định được cách trích dẫn tài liệu đúng quy định, các dấu hiệu cho thấy người viết tuân thủ quy định khi tham khảo tài liệu và trích dẫn. - HS biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.. - Sử dụng tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập. <p>Nội dung:</p>	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện bài tập 1, 2, 3 (SGK/ 101 - 102) - HS tiếp nhận nhiệm vụ <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi. - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. 	<p>II. LUYỆN TẬP</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>a. Cách trích dẫn thứ hai là đúng quy định vì tác giả đã tuân thủ các quy định về cách dẫn trực tiếp: đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép và ghi chú tên tác giả.</p> <p>b. Cách trích dẫn thứ nhất là đúng quy định vì tác giả đã tuân thủ các quy định về cách dẫn trực tiếp: đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép và ghi chú tên tác giả</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>a. Dấu hiệu cho thấy tác giả đã tuân thủ quy định khi tham khảo và trích dẫn tài liệu là đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép.</p> <p>b. Dấu hiệu cho thấy tác giả đã tuân thủ quy định khi tham khảo, trích dẫn tài liệu là ghi rõ nguồn của hai câu thơ: <i>Những cô hàng xén răng đen/ Cười như mùa thu toả nắng.</i></p> <p>c. Dấu hiệu cho thấy tác giả đã tuân thủ quy định khi tham khảo và trích dẫn tài liệu là đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép, ghi rõ tên tác giả, tác phẩm trích dẫn trong ngoặc đơn bên cạnh</p> <p>➔ Bài học rút ra trong việc tham khảo và trích dẫn tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tùy vào mục đích viết và tính chất của kiểu văn bản, người viết có thể trích dẫn theo nhiều cách và nêu nguồn

	<p>trích dẫn với các mức độ cụ thể khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu rõ tác giả và xuất xứ của nguồn tài liệu. - Truyền tải trung thực nội dung ý tưởng và thông tin được trích dẫn <p>Bài tập 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc không dẫn nguồn tài liệu khi dùng lời hoặc ý của người khác bị coi là đạo văn. Điều này khác với việc trích dẫn theo cách gián tiếp, vì khi trích dẫn gián tiếp, phần dẫn không đặt trong dấu ngoặc kép nhưng người viết vẫn nêu rõ tên tác giả và xuất xứ của phần trích dẫn
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để biết cách trích dẫn tài liệu đúng quy định.

c) Sản phẩm: Câu trả lời, đoạn văn nói và viết của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ 2 trong PHT số 5.

* Gợi ý:

+ Độ dài: 5 – 7 câu

+ Nội dung: điểm mạnh của con người Việt Nam là sự cần cù, sáng tạo.

+ Có trích dẫn ý kiến theo đúng yêu cầu của việc trích dẫn tài liệu tham khảo.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi và viết đoạn văn

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

Bài 4

KHÁM PHÁ VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG

Đọc – hiểu vb 3

NGÀY XƯA

(Vũ Cao)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực riêng biệt

- Phát triển năng lực ngôn ngữ qua việc khám phá vẻ đẹp và sức sống của Truyện Kiều, từ đó tạo dựng được những văn bản thể hiện con đường khám phá vẻ đẹp văn chương của cá nhân (bài bình luận, bài phân tích, sáng tác nghệ thuật dựa trên nguyên tác...).
- Bồi dưỡng năng lực văn học thông qua việc phân tích được những phương diện nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình để làm sáng tỏ những suy nghĩ, cách cảm nhận khác nhau của các nhân vật về tác phẩm Truyện Kiều. Từ đó, thấy được sự kết nối của bài thơ với hai văn bản trước đó về mạch chủ đề khám phá vẻ đẹp văn chương.

2. Phẩm chất:

- Khơi dậy tình yêu, niềm tự hào và ý thức gìn giữ những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc của cha ông.
- Trung thực và khách quan trong việc nhìn nhận, đánh giá một tác phẩm khác biệt về thời đại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ...

- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.

2. Học liệu

- Sách Ngữ văn 9, tập 1, Sách bài tập Ngữ văn 9, Sách giáo viên, TLTK khác, Phiếu học tập, rubric...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập cho HS. Đồng thời giúp HS huy động kiến thức nền để kết nối vào nội dung chính của bài học.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

HS quan sát, lắng nghe thước phim ngắn, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm:

- HS nói được nội dung video và tác dụng của nó.
- Học sinh bày tỏ cảm xúc/ thái độ của mình về video.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với một video ngắn. Trước khi xem video các em chú ý các câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Video có nội dung gì? Nó được sử dụng vào mục đích gì? 2. Sau khi nghe video em có cảm xúc gì? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>GV chiếu video:</p> <p>https://www.youtube.com/watch?v=WpyORBCj8_I&t=206s</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận nhiệm vụ. - Quan sát tranh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời. 	<p>Những chia sẻ của HS sau khi nghe đoạn bình luận về hát ru Truyện Kiều.</p>

<p>- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.</p> <p>HS trả lời câu hỏi 1, 2...</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):</p> <p>- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)</p> <p>- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: <i>Ngày xưa</i></p>	
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

I. TÌM HIỂU CHUNG

<p>Mục tiêu: Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về Vũ Cao và bài thơ “Ngày xưa”</p> <p>Nội dung:</p> <p>GV: Sử dụng kỹ thuật tia chớp yêu cầu HS trình bày nhanh hiểu biết về tác giả</p> <p>HS: Tìm hiểu thông tin về tác giả Vũ Cao và bài thơ “Ngày xưa” theo PHT1 đã giao về nhà.</p> <p>Tổ chức thực hiện:</p>	
Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>1. Đọc văn bản</p> <p>- GV đọc mẫu một lượt rồi yêu cầu một vài HS đọc lại.</p> <p>GV lưu ý HS đọc với giọng trữ tình, nhẹ nhàng, có thể thay đổi giọng đọc ở các câu thơ thể hiện lời của nhân vật để tạo điểm nhấn.</p> <p>2. Tìm hiểu về tác giả và bài thơ</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS từ tiết trước: <i>Trình bày những thông tin về tác giả Vũ Cao và xuất xứ văn bản “Ngày xưa”.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc SGK, TLTK, tra cứu thông tin để trả lời câu hỏi.</p>	<p>I. Hiểu biết chung về tác phẩm</p> <p>1. Đọc văn bản</p> <p>2. Tác giả và tác phẩm</p> <p>2.1. Nhà thơ Vũ Cao (1922 – 2007)</p>

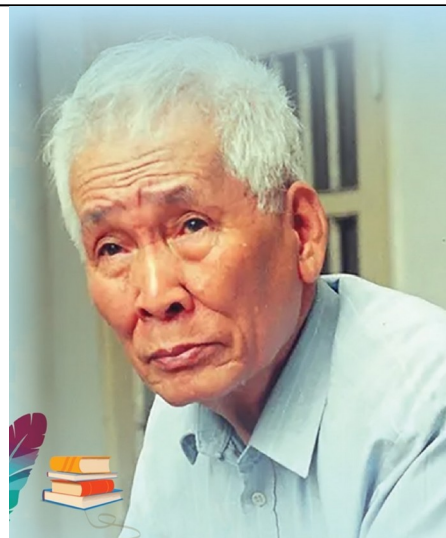
Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả làm việc ở nhà bằng kĩ thuật Trình bày 1 phút.
- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, kết luận

Chiều những thông tin cơ bản, cần lưu ý về tác giả Vũ Cao và bài thơ “Ngày xưa”



- Quê: Vụ Bản, Nam Định.
- Hầu hết tác phẩm viết về đề tài chiến tranh.
- Ông viết thơ không nhiều, lời thơ giản dị, nhẹ nhàng, giàu cảm xúc.
- Ông đã đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu nhiều nhân tài thơ cho đất nước.

2.2. Văn bản *Ngày xưa*

- Trích trong tập *Thơ với tuổi thơ*, xuất bản năm 2001.

Chuyển dẫn: Ở chủ đề về đẹp văn chương chúng ta đã tiếp xúc với những văn bản nghị luận phân tích, bình luận về giá trị nổi bật của một tác phẩm văn học. Đến với “Ngày xưa”, Vũ Cao đưa ta đến con đường khám phá hoàn toàn mới mẻ - đó là thông qua một sáng tác nghệ thuật mang tính hình tượng về Truyện Kiều. Để hiểu rõ về đẹp Truyện Kiều và tấm lòng của Vũ Cao chúng ta cùng đi vào khám phá nội dung văn bản!

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

Mục tiêu:

- Kết nối chủ đề *Khám phá vẻ đẹp văn chương*, HS hiểu được có nhiều con đường để khám phá vẻ đẹp văn chương, có thể bằng những bài bình luận, phân tích, nhưng cũng có thể bằng những sáng tác nghệ thuật mang tính hình tượng.
- HS củng cố kĩ năng đọc hiểu thơ.

Nội dung hoạt động:

- HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>NV 1</p> <p>Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)</p> <p><i>HD nhóm chuyên gia (Lượt 1) (4 phút)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia nhóm lớp: mỗi nhóm 6 HS được đánh STT lần lượt là 1,2,3 (lặp lại 2 lần) - Yêu cầu mở PHT 2 và hoàn thành PHT2 bằng cách trả lời câu hỏi sau: <p>+ Nhóm 1,2: Trả lời câu hỏi 1 trong SGK, tr. 102: Bà ru cháu bằng những câu Kiều, mặc dù cháu còn rất nhỏ, chưa thể hiểu được. Điều đó gọi cho em suy nghĩ gì?</p> <p>(gợi ý: 1. Thông thường người lớn thường dùng những lời hát nào để ru trẻ?</p> <p>2. Theo nhà thơ, tuy cháu không hiểu những câu Kiều nhưng lời bà ru bằng Truyện Kiều mang đến kết quả gì?</p> <p>3. Trong hành động hát ru của mình ngoài hướng đến việc đưa cháu vào giấc ngủ, bà còn muốn bày tỏ điều gì khác không?)</p> <p>+ Nhóm 3,4: Đọc và trả lời câu hỏi 2 trong SGK, tr 103: Bài thơ cho thấy Truyện Kiều được tiếp nhận theo những cách nào?</p> <p>(Gợi ý: 1. Trong bài thơ, chủ thể tiếp cận Truyện Kiều gồm những ai? Giữa họ có mối quan hệ gì? Điều đó có gì thú vị?</p> <p>2. Mỗi chủ thể có cách tiếp cận như thế nào về Truyện Kiều?</p> <p>3. Từ đó em có suy nghĩ gì về cách tiếp cận</p>	<p><i>II. Khám phá văn bản</i></p> <p><i>1. Tìm hiểu mục đích bà hát ru cháu bằng những câu Kiều</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi ru trẻ: + Thông thường: dùng lời hát được lấy từ ca dao, các điệu hò dân gian, + Ở đây: bà lại ru bằng thơ - Truyện Kiều <p>=> Điều này cho thấy sự sáng tạo của tác giả trong cách sử dụng chất liệu để đặt vấn đề, cũng như ý tưởng vận dụng Truyện Kiều rất độc đáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích ru bằng <i>Truyện Kiều</i> + Để đưa cháu vào giấc ngủ (không nhằm để cháu hiểu). + Để bà thưởng thức <i>Truyện Kiều</i>, đồng cảm với những điều được nói đến trong tác phẩm, hoặc giải bày một nét tâm trạng nào đó của mình. <p><i>2. Tìm hiểu những cách tiếp cận “Truyện Kiều”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với “mẹ tôi”, <i>Truyện Kiều</i> khơi gợi niềm đồng cảm, xót thương: “Nghĩ mà thương phận cô Kiều ngày

một tác phẩm văn học trong đời sống?)

+ Nhóm 5,6: Đọc và trả lời câu hỏi 3 trong SGK, tr 103: Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về sức sống của Truyện Kiều trong lòng người dân Việt Nam?

(Gợi ý: 1. Trong đời sống, em được biết đến những hình thức thể hiện Truyện Kiều nào?

2. Để thực hiện Truyện Kiều dưới những hình thức khác nhau người thể hiện cần có tình cảm như thế nào với tác phẩm?

3. Những câu thơ trong Truyện Kiều qua những hình thức thể hiện khác nhau đã chiếm được cảm tình gì ở người thưởng thức, từ đó, em nhận xét gì về sức sống Truyện Kiều trong tương lai?)

HD nhóm mảnh ghép (Lượt 2) (6 phút)

- GV điều hành HS di chuyển về vị trí nhóm mới theo quy tắc các em HS có cùng STT sẽ ở chung 1 nhóm.

- Yêu cầu tiếp tục hoàn thành PHT 2 thông qua việc chia sẻ kết quả hoạt động nhóm lượt 1.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)

GV hướng dẫn HS thực hiện trao đổi:

+ HS ở nhóm 1,2 chia sẻ kết quả tìm hiểu ý nghĩa việc bà hát ru cháu bằng Truyện Kiều=> HS là thành viên nhóm 3,4,5,6 lắng nghe, ghi chép vào phiếu.

+ HS ở nhóm 3,4 chia sẻ kết quả tìm hiểu về các cách tiếp cận Truyện Kiều trong bài thơ=> HS là thành viên nhóm 1,2,5,6 lắng nghe, ghi chép vào phiếu.

+ HS ở nhóm 5,6 chia sẻ kết quả tìm hiểu về sức sống Truyện Kiều trong lòng người VN => HS là thành viên nhóm 1,2,3,4 lắng nghe, ghi chép vào phiếu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

xưa”. Trước lời nói của người con, tuy bà “chẳng trả lời”, nhưng qua việc hát ru, có thể thấy với bà, *Truyện Kiều* có thể đưa em bé vào giấc ngủ.

- Đối với “tôi”, *Truyện Kiều* vô cùng sâu sắc, và đặc biệt là những câu thơ đã có từ xưa, có một khoảng cách rất xa so với đứa trẻ, nên trẻ con không thể hiểu được.

- Đối với em bé, qua lời ru của bà, em bé tiếp nhận một cách vô thức giai điệu của *Truyện Kiều*.

3. Tìm hiểu sức sống của “Truyện Kiều”

- *Truyện Kiều* đã đi vào đời sống của người dân Việt Nam thông qua nhiều hoạt động phong phú, trong đó có việc hát ru.

- *Truyện Kiều* qua lời ru đã tác động đến thế giới tâm hồn của trẻ thơ: Nó vừa mang lại cho trẻ những giai điệu êm đềm, vừa giúp trẻ thấm thấu được ngôn từ một cách tự nhiên (Đây là một đời sống khác biệt của TK).

- Đặc biệt, người bà ru cháu bằng *Truyện Kiều* với tất cả nỗi niềm yêu thương, đồng cảm với thân phận của nàng Kiều cho thấy tác phẩm đã

HD nhóm**GV:**

- Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm
- Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).

HS:

- Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập
- Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.
- Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

GV bình giảng:

- Có thể thấy, trong hành động hát ru, người bà vừa có thể cảm nhận được ý nghĩa, thưởng thức nhạc tính Truyện Kiều, vừa có thể ru cháu ngủ, từ đó, em bé cũng cảm nhận được nhạc tính Truyện Kiều và lâu dần, yếu tố nội dung cũng có thể thấm dần vào trong em một cách vô thức. Đó cũng là một cách thú vị mà ông cha ta đã truyền cho chúng ta tình yêu văn học nước nhà và vốn liếng văn chương ngay từ thuở thơ ấu, để những kiệt tác văn học của dân tộc sống mãi trong lòng người dân VN.

- Chuyển ý: Vậy theo em, bài thơ của Vũ Cao có phải là một con đường khám phá vẻ đẹp văn chương không? Và nó đã mở ra điều gì mới mẻ qua hình thức thể hiện?

NV2*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****THẢO LUẬN cặp đôi câu hỏi sau:**

- Em có nhận xét gì về hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, ngôn từ, hình ảnh, cách tổ chức, sắp xếp ý thơ,...)?

trở thành một phần máu thịt trong đời sống tinh thần của bà

=> Việc *Truyện Kiều* được tiếp nhận từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ mẹ sang con, từ con đến cháu chứng tỏ sức sống của tác phẩm sẽ trường tồn theo thời gian.

4. Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ

- Thể thơ lục bát, cũng là thể thơ mà *Truyện Kiều* sử dụng, có yếu tố tự sự.
- Cách tổ chức của bài thơ là

- Qua đó em thấy một tác phẩm văn chương có thể được tiếp xúc và khám phá dưới những hình thức nào? bởi những đối tượng nào?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

HS:

+ Thảo luận cặp đôi thống nhất ý kiến, hoàn thành PHT trong 3 phút.

+ Cử đại diện chuẩn bị báo cáo sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm đôi báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau.

- Giáo viên điều hành quá trình thảo luận.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- Học sinh tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên đánh giá, kết luận, bình đàn xen trong quá trình chốt các ý, mở rộng vấn đề cho HS: Như vậy, bên cạnh việc thông qua các văn bản nghị luận của các nhà phê bình văn học chuyên nghiệp, chúng ta cũng có thể khám phá vẻ đẹp văn chương qua những cách tiếp nhận khác nhau bởi những đối tượng có hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm khác nhau.

sự đan xen những câu “kể”, “dẫn dắt” của người con và những câu Kiều được trích dẫn nguyên vẹn cùng với câu trả lời của người mẹ, đồng thời còn một người tiếp nhận lặng lẽ - đứa cháu.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập GV đưa ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm dưới đây:

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng” thông qua sử dụng Plicker

Câu 1. Xác định thể loại của VB *Ngày xưa* (Vũ Cao).

A. Thơ sáu chữ B. Thơ lục bát

C. Thơ tám chữ D. Thơ song thất lục bát

Câu 2. Em bé trong VB tiếp cận *Truyện Kiều* từ đâu?

- A. Từ lời ru của bà
- B. Từ việc đọc tác phẩm
- C. Từ câu chuyện của bà
- D. Từ lời ru của mẹ

Câu 3. Trong những trích đoạn sau trong *Truyện Kiều*, Tác giả đã sử dụng trích đoạn nào để đưa vào lời hát ru của bà?

- A. Kiều càng sắc xảo mặn mà/ So bề tài sắc lại là phần hơn...
- B. Có tài mà cậy chi tài/ Chữ tài liền với chữ tai một vần...
- C. Mai sau dù có bao giờ/ Đốt lò hương ấy, so tơ phím này...
- D. Bốn bề bát ngát xa trông/ Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia...

Câu 4. Dòng nào nêu đúng cách tổ chức của bài thơ?

- A. Đan xen những câu miêu tả hình ảnh bà ru cháu với lời ru của bà
- B. Đan xen kể những câu chuyện cổ tích với lời ru của bà
- C. Đan xen những câu “kể”, “dẫn dắt” của người con và những câu Kiều được trích dẫn nguyên vẹn
- D. Đan xen những lời ru của bà với những câu Kiều được người con trích dẫn

Câu 5. Dòng nào nêu đúng sức sống của *Truyện Kiều*?

- A. *Truyện Kiều* qua sự tiếp nhận của người bà đã cho thấy sự yêu thích của người dân Việt Nam đối với tác phẩm của Nguyễn Du.
- B. Việc trở thành những câu hát ru khiến *Truyện Kiều* có một đời sống khác so với những tác phẩm văn học thông thường.
- C. *Truyện Kiều* qua lời ru đã mang lại cho trẻ những giai điệu êm đềm, giúp trẻ thẩm thấu được ngôn từ một cách tự nhiên.
- D. *Truyện Kiều* được tiếp nhận từ thế hệ này qua thế hệ khác đã chứng tỏ sức sống trường tồn của tác phẩm theo thời gian.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, tìm câu trả lời

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

Các bạn khác nhận xét, bổ sung

B4: Kết luận, nhận định

GV chiếu đáp án, giải thích (nếu cần).

Câu 1. B

Câu 2. A

Câu 3. C

Câu 4. C

Câu 5. D

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.
- c. Sản phẩm:** HS tìm hiểu và thể hiện những cách tiếp nhận *Truyện Kiều* khác.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS tìm hiểu những cách tiếp nhận *Truyện Kiều* khác và lựa chọn một cách để thể hiện.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày và thể hiện được những cách tiếp nhận *Truyện Kiều* khác như sưu tầm, thử nghiệm sáng tác phái sinh từ *Truyện Kiều* (lấy Kiều, tập Kiều,...).

* Kết luận, nhận định:

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

PHỤ LỤC

PHT 1. TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ VŨ CAO VÀ BÀI THƠ “NGÀY XƯA”

	<i>Tên</i>	
	<i>Quê</i>	

Tác giả		
	Đề tài	
	Phong cách	
	Đóng góp	
Tác phẩm	Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác	

PHT 2A. TÌM HIỂU MỤC ĐÍCH BÀ HÁT RU CHÁU BẰNG NHỮNG CÂU KIỀU

Bà ru cháu bằng những câu Kiều, mặc dù cháu còn rất nhỏ, chưa thể hiểu được. Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì?	
<i>Thông thường người lớn thường dùng những lời hát nào để ru trẻ?</i>	
<i>Theo nhà thơ, tuy cháu không hiểu những câu Kiều nhưng lời bà ru bằng Truyện Kiều mang đến kết quả gì?</i>	
<i>Trong hành động hát ru của mình ngoài hướng đến việc đưa cháu vào giấc ngủ, bà còn muốn bày tỏ điều gì khác không?</i>	

PHT 2B. TÌM HIỂU NHỮNG CÁCH TIẾP NHẬN “TRUYỆN KIỀU”

Bài thơ cho thấy Truyện Kiều được tiếp nhận theo những cách nào?

Chủ thể tiếp cận Truyện Kiều (Chỉ ra qua từ ngữ sử dụng trong bài thơ)	Cách tiếp cận Truyện kiều tương ứng với chủ thể (Trích dẫn câu thơ/ hình ảnh thơ tương ứng)
.....	
.....	
.....	
.....	
Nhận xét về cách tiếp cận một tác phẩm văn học trong đời sống:	
.....	
.....	
.....	
.....	

PHT 2C. TÌM HIỂU SỨC SỐNG CỦA “TRUYỆN KIỀU”

Hình thức thể hiện Truyện Kiều trong đời sống	Biểu hiện đặc trưng	Tác động của nó đến cảm tình của người thưởng thức
.....		
.....		
.....		
Nhận xét về tình cảm của nhân dân dành cho Truyện Kiều:		
.....		
.....		
.....		

PHT 3. ĐÁNH GIÁ NGHỆ THUẬT VÀ SỰ KẾT NỐI VỚI CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

Tiêu chí	Văn bản 1	Văn bản 2	Văn bản 3
-----------------	------------------	------------------	------------------

Khác nhau	Hình thức			
	Số người tiếp cận tác phẩm VH			
Giống nhau	Đối tượng phản ánh			

Ngày soạn:

Ngày dạy:

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (TRUYỆN)

Thời gian thực hiện: ... tiết

I. MỤC TIÊU

a. Kiến thức

- HS viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện).
- Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ, bằng chứng xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.
- Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

b. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận, phân tích của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

c. Phẩm chất:

- Yêu cái đẹp của tác phẩm văn học, hướng đến điều tích cực ghét cái xấu xa, tiêu cực.
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập, tự giác viết bài.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhìn tranh đoán tên tác phẩm”.
- HS tham gia trò chơi. Trả lời đúng tên các tác phẩm truyện đã học.
- *GV dẫn dắt vào bài học mới*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện).

1. Mục tiêu

HS nhận biết và hiểu được những yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện.

2. Nội dung hoạt động

HS đọc nội dung trong SGK và xác định được yêu cầu của bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Theo em, để viết được một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện), cần đảm bảo những yêu cầu gì?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.</p> <p>- HS dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>GV khái quát lại các yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm (truyện). GV có thể phân tích thêm để HS hiểu rõ vì sao kiểu bài văn này lại cần phải đáp ứng những yêu cầu</p>	<p>I. Yêu cầu đối với bài văn phân tích tác phẩm truyện</p> <p>- Giới thiệu khái quát tác phẩm truyện cần phân tích (nhân đề, tác giả, thể loại), nêu nhận xét chung về tác phẩm.</p> <p>- Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.</p> <p>- Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện (cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ người kể chuyện, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu,...) và hiệu quả thẩm mỹ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.</p> <p>- Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ thuyết phục, bằng chứng xác đáng để làm sáng tỏ ý kiến</p>

đó.	nêu trong bài viết. - Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.
-----	---

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Phân tích được bài viết tham khảo.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV tổ chức hoạt động: SUY NGHĨ- CẶP ĐÔI- CHIA SẺ</p> <p>Hình thức: Gv đưa ra những câu hỏi, trong thời gian 5 phút, các bạn trong lớp suy nghĩ độc lập. Sau 5 phút, mỗi bàn phân chia thành các cặp đôi để trao đổi với nhau về kiến thức đó trong thời gian 5 phút. Gv sẽ gọi ngẫu nhiên các thành viên trong nhóm lên trình bày.</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc và theo dõi các yếu tố của bài văn phân tích một tác phẩm truyện. Chia bố cục của bài tham khảo</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. Phân tích bài viết tham khảo</p> <p>* Bố cục của bài viết tham khảo:</p> <p>- Mở bài (đoạn 1): Giới thiệu và nêu nhận xét khái quát về tác phẩm.</p> <p>- Thân bài:</p> <p>+ Các đoạn 2 - 6: phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm (sự cống hiến, hi sinh lặng thầm của những con người lao động bình dị).</p> <p>+ Đoạn 7: Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện (nghệ thuật kể chuyện độc đáo, sáng tạo tình huống bất ngờ, nghệ thuật tạo dựng không khí truyện, ngôn ngữ tinh tế, đầy chất trữ tình, dụng ý trong cách không đặt tên nhân vật).</p> <p>- Kết bài (Đoạn 8): Khẳng định giá trị và ý</p>

<ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. - HS đọc thâm bài viết tham khảo “Nốt nhạc trầm trên đỉnh non cao” trong SGK, tr. 103 - 105. - HS theo dõi các thẻ chỉ dẫn ở bên phải VB. - Làm việc nhóm đôi, hoàn thành nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập - GV yêu cầu HS nêu ý kiến về những điều đã học hỏi được từ bài viết tham khảo. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ - Dự kiến sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 	<p>nghĩa của tác phẩm.</p> <p>* Cách tổ chức luận điểm: rõ ràng, mạch lạc.</p> <p>Có thể tổ chức theo cách khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách sử dụng lí lẽ rất chặt chẽ, mạch lạc, bằng chứng tiêu biểu, bám sát lí lẽ và chủ đề bài viết. - Những điều học hỏi được từ bài viết tham khảo như: <ul style="list-style-type: none"> + Cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nêu nhận xét khái quát về tác phẩm. + Cần nêu rõ được nội dung chủ đề tác phẩm. + Cần phân tích được đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm. + Cần triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ và bằng chứng xác đáng. + Cần khẳng định được giá trị của tác phẩm,...
---	---

2.3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Thực hiện được các bước viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện).

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để viết tốt 1 bài văn NL phân tích một tác phẩm văn học (truyện) gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi; - Dự kiến sản phẩm. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 	<p>III. Thực hành viết theo các bước</p> <p>1. Trước khi viết</p> <p>a. Lựa chọn đề tài</p> <p>Lựa chọn tác phẩm để viết bài văn nghị luận, chẳng hạn: <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>, một đoạn trích trong <i>Truyện Kiều</i>,...</p> <p>b. Tìm ý:</p> <p>HS tìm được các ý bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu tìm ý.</p> <p>c. Lập dàn ý</p> <p>Ví dụ lập dàn ý cho đề bài phân tích truyện <i>Những ngôi sao xa xôi</i> của Lê Minh Khuê.</p> <p>* Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu truyện ngắn <i>Những ngôi sao xa xôi</i> của Lê Minh Khuê - Khái quát về tác phẩm: một truyện ngắn thành công trong việc khắc hoạ hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời kì kháng

	<p>chiến chống đế quốc Mỹ.</p> <p>* Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm: + Cuộc sống gian khổ, công việc nguy hiểm của ba cô gái ở trọng điểm trên tuyến đường (bằng chứng: ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, quan sát địch ném bom, đánh dấu bom chưa nổ, phá bom,...). + Nét riêng của ba cô gái (bằng chứng). + Vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn của ba cô gái: gan dạ, dũng cảm, không sợ hi sinh, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ,... (bằng chứng: thể hiện trong một lần phá bom). - Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm: + Kể chuyện theo ngôi thứ nhất (Phương Định - “tôi”) giúp cho nhân vật dễ dàng bộc lộ suy nghĩ, tâm trạng, cảm xúc. + Xây dựng nhân vật qua diễn biến tâm lí, hành động, lời nói, suy nghĩ,... (bằng chứng: nhân vật Phương Định). + Xây dựng tình huống truyện mang tính thử thách, nguy hiểm để
--	---

nhân vật bộc lộ vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn (bằng chứng: tình huống phá bom).

+ Ngôn ngữ và nhịp điệu kể chuyện phù hợp với không khí khẩn trương của chiến trường (bằng chứng: các câu văn ngắn, nhịp nhanh trong truyện,...).

* Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

2. Viết bài

- HS ghi nhớ các lưu ý để thực hiện trong quá trình viết bài:

+ Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết.

+ Bám sát đặc trưng thể loại truyện.

+ Tổ chức hệ thống luận điểm hợp lí cùng với lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

+ Tập trung vào những nét nổi bật của tác phẩm, tạo điểm nhấn cho bài viết.

- HS hoàn thành được bài viết.

3. Chỉnh sửa bài viết

Bài viết của HS đã chỉnh sửa lỗi (nếu có).

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm đề bài sau: *Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện mà em thích.*

- HS suy nghĩ làm theo dàn ý

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết ...

NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (*LÀM THẾ NÀO ĐỂ HỌC TỐT MÔN NGŨ VĂN?*)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Quy trình thực hiện bài nói -nghe
- Kỹ năng kể lại một trải nghiệm đáng nhớ
- Kỹ năng nghe người khác nói có hiệu quả

2. Năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập

* Năng lực đặc thù

- Biết kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân một cách hấp dẫn và cuốn hút người nghe
- Biết lắng nghe và tóm tắt được ý chính của người nói, biết đánh giá ưu, nhược điểm của người nói về nội dung và phong cách nói

3. Phẩm chất

- Cố gắng vươn lên đạt kết quả cao trong học tập nhất là kết quả nói nghe
- Tự tin trước đám đông

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, tài liệu
- Máy tính, máy chiếu

III. PHƯƠNG PHÁP

- Xem và phân tích ví dụ, trò chơi, think- Pair- Share, thảo luận nhóm, thuyết trình, đàm thoại, khăn trải bàn

IV. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Khởi động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
a. Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - Định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối với kiến thức nền của HS. - Biết thảo luận được một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống, phù hợp với lứa tuổi. 	

b. Sản phẩm: HS theo dõi video và chia sẻ những sai lầm khi học môn Ngữ văn. Giấy note ghi câu trả lời của hs

c. Tổ chức hoạt động:

*** Giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS xem video clip nói về những sai lầm khi học môn Ngữ văn:

<https://www.youtube.com/watch?v=xoFjKwSpuvw>

GV mời HS chia sẻ bản thân có mắc những sai lầm đó không và dẫn dắt vào bài.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Xem video, ghi lại suy nghĩ vào giấy note

*** Báo cáo kết quả**

- Chia sẻ chéo bài của nhau

*** Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt, chuyển:

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

I. Trước khi thảo luận

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói - HS nhận biết được yêu cầu của tiết thảo luận. - Tìm ý và lập được dàn ý bài nói <p>b. Sản phẩm: phiếu trả lời của hs, dàn ý bài nói (dưới dạng dàn ý hoặc sơ đồ)</p> <p>c. Tổ chức hoạt động:</p>	
<p>* Giao nhiệm vụ:</p> <p>- Thảo luận cặp đôi hoàn thành PHT sau:</p>	<p>1. Xác định nội dung vấn đề thảo luận</p>
<p>PHT SỐ 1:</p>	
<p>1. Chuẩn bị nội dung thảo luận: Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?</p>	
1. Xác định bản chất của vấn đề thảo luận	
2. Phương pháp để học tốt môn Ngữ văn.	
	

3. Ý nghĩa của việc học tốt môn Ngữ văn	
4. Phương hướng cho bản thân	

<p>* Giao nhiệm vụ:</p> <p>Ở nhà:</p> <p>? Nhớ và trình bày lại cấu trúc bài nói?</p> <p>? Căn cứ vào cấu trúc trên, hãy lập dàn ý đại cương cho bài nói?</p> <p>- Luyện nói trước gương: chú ý ngôn ngữ cơ thể: cử chỉ, điệu bộ, nụ cười, ánh mắt,...</p> <p>- Có thể quay lại video để tự điều chỉnh cho chuyên nghiệp (Khuyến khích)</p> <p>Trên lớp: Kiểm tra phần chuẩn bị của hs (1 phút)</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ: (Làm ở nhà)</p> <p>- Viết lại cấu trúc bài nói</p> <p>- Lập dàn ý đại cương bài nói theo yêu cầu</p> <p>- Luyện nói trước gương, kiểm soát thời gian nói</p> <p>Trên lớp:</p>	<p>2. Lập dàn ý</p>
---	----------------------------

DÀN Ý

*** Gồm 3 phần:**

Phần 1: Phần mở đầu

- Nêu vấn đề thảo luận: những cách thức, phương pháp học tập hiệu quả môn Ngữ văn

Phần 2: Nội dung thảo luận

- Nêu ý kiến (dưới dạng chia sẻ trải nghiệm của bản thân hoặc trình bày vấn đề một cách khách quan): những cách thức, phương pháp học tập hiệu quả môn Ngữ văn

+ Phương pháp chung: lập chiến lược học tập hiệu quả, luôn tập trung trong giờ học, hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở lớp và ở nhà, sắp xếp thời gian hợp lý cho môn học,...

+ Phương pháp đặc thù của môn Ngữ văn: mở rộng tri thức văn học, phát triển tư duy ngôn ngữ và văn học bằng cách đọc nhiều tác phẩm văn học, các bài nghiên cứu, phê bình liên quan đến văn học; rèn luyện kỹ năng viết trên cơ sở nắm vững yêu cầu của kiểu bài; gia tăng trải nghiệm, mở rộng vốn sống để có thể lắng nghe và cảm nhận sâu hơn những tiếng nói văn chương,...

Phần 3: Phần kết thúc

- Lời cảm ơn

II. Trình bày nội dung thảo luận (trên lớp)

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
a. Mục tiêu: - <i>Người nói:</i> Thực hành thảo luận - <i>Người nghe:</i> Tập trung, chú ý 100 % vào việc nghe, hiểu và nhận xét được ưu, nhược điểm để nhận xét, rút kinh nghiệm cho người nói. b. Sản phẩm: Bài nói, lời nhận xét đánh giá của người nghe c. Tổ chức hoạt động:	
Thảo luận nhóm tổ: *Giao nhiệm vụ: - Người chủ trì - Tổ trưởng - nêu vấn đề thảo luận đã được thống nhất ở chuẩn bị. - Triển khai: + Mỗi thành viên phát biểu ý kiến dưới sự điều hành, kết nối của người chủ trì + Người chủ trì nhắc nhở nếu người tham gia phát biểu quá thời gian quy định + Các thành viên khác lắng nghe, ghi chép cụ thể, đánh giá theo Bảng tiêu chí * Thực hiện nhiệm vụ: - Trình bày trước nhóm tổ * Báo cáo kết quả: - Nghe, đánh giá, chọn thành viên chia sẻ * Đánh giá kết quả - HS đánh giá nhận xét dựa trên Bảng tiêu chí cuộc thảo luận - GV đánh giá về thái độ thảo luận	1. Thảo luận trước nhóm tổ

* Tiêu chí đánh giá cuộc thảo luận

Đánh giá nội dung cuộc thảo luận	Đạt	Chưa đạt
Thảo luận đúng chủ đề		
Các ý kiến thảo luận tập trung, không tản mạn.		
Tìm ra được phương pháp, cách thức học tập môn Ngữ văn hiệu quả.		
Đánh giá cách tổ chức, điều hành cuộc thảo luận		
Xây dựng được tinh thần dân chủ, tôn trọng ý kiến khác biệt.		
Những người tham gia thảo luận thực hiện đúng vai trò của mình.		
Thực hiện đúng tiến trình buổi thảo luận.		

Đánh giá cách sử dụng ngôn ngữ, các phương tiện hỗ trợ khi thảo luận		
Sử dụng ngôn ngữ nói		
Sử dụng ngôn ngữ cơ thể		
Sử dụng các phương tiện hỗ trợ		

III. Sau khi nói – Đánh giá

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
a. Mục tiêu: Trao đổi để rút ra được những kinh nghiệm để nói cho người khác nghe- người khác nói một cách hiệu quả nhất. - Biết lắng nghe, phản hồi tích cực b. Sản phẩm: Những lưu ý, kinh nghiệm của người nói và người nghe trong giờ học nói- nghe. c. Tổ chức hoạt động:	
* Giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS làm việc nhóm tổ để hoàn thành tự đánh giá cuộc thảo luận theo tiêu chí đánh giá. - Chọn mỗi tổ 1 thành viên để chia sẻ trước lớp - Thời gian cho mỗi thành viên: 4 phút/lần/bài - GV cung cấp cho học sinh công cụ để đánh giá: + Kỹ thuật: 3-2-1 + Bảng tiêu chí đánh giá * Thực hiện nhiệm vụ: - Trình bày trước lớp * Báo cáo kết quả: - Nghe, đánh giá, chọn thành viên chia sẻ trước lớp * Đánh giá kết quả - HS đánh giá nhận xét dựa trên Bảng tiêu chí cuộc thảo luận - GV đánh giá về thái độ, chất lượng bài nói	* Trao đổi về cuộc thảo luận 2. Thảo luận trước lớp

Hoạt động 3: Luyện tập vận dụng, sáng tạo

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe trong một tình huống giao tiếp thực tế - Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập	

b. Sản phẩm: Đoạn video, clip nói về phương pháp, cách thức học tốt môn Ngữ văn.

c. Tổ chức hoạt động:

***Giao nhiệm vụ:**

- HS xem video, clip, ghi bổ sung vào vở nội dung mình còn thiếu.
- Xây dựng bài thảo luận mới về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS xem và ghi chép
- HS chọn đề tài khác và chuẩn bị bài thảo luận

*** Báo cáo kết quả:**

- Trình bày những điều em học tập được từ video, clip

*** Đánh giá kết quả**

- HS đánh giá nhận xét, bổ sung
- GV đánh giá

***Hướng dẫn học ở nhà:**

- Chuẩn bị trước